TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN G** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 117/2025/QĐST-HNGĐ	*G, ngày 04 tháng 02 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1642//2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc B ; Địa chỉ: Số C đường L, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Văn T; Địa chỉ: Số C đường L, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Nguyễn Văn T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2012 ngày 23/02/2012 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ghi ngày 11/12/2024; Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 24/01/2025; bà B và ông T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; có 03 con chung tên Nguyễn Hoàng T1; sinh ngày

02/4/2018; Nguyễn Hoàng P; sinh ngày 30/4/2016 và Nguyễn Thị Mỹ H; sinh ngày 21/7/2012. Ông T thống nhất giao cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng con chung; việc cấp dưỡng nuôi cho con ông T và bà B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết và tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, bà B và ông T tự nguyện ly hôn; thỏa thuận về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên Tòa án ghi nhận.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2012 ngày 23/02/2012 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long hết hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Nguyễn Thị Ngọc B và ông Nguyễn Văn T có 03 con tên: Nguyễn Hoàng T1; sinh ngày 02/4/2018; Nguyễn Hoàng P; sinh ngày 30/4/2016 và Nguyễn Thị Mỹ H; sinh ngày 21/7/2012. Giao cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng con chung;

Việc cấp dưỡng nuôi con: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà B và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng, bà B1 và ông T chịu, nhưng được cấn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0057007 ngày 24/12/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà B và ông T đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận**:*
- TAND TP.HCM;
- Chi cục THADS quận G;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- VKSND quận G;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN